TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24- 01 -2022
Vv: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Thắng và ông Nguyễn Nho Bản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/ 01 /2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78 /2021/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2021 về việc Tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐHPT ngày 06/ 01/2022. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chi Bùi Thị Thanh Th, sinh ngày 12 tháng 7 năm 1985.

ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm , thôn , xã Phượng C, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Phạm Đ, sinh ngày 22 tháng 4 năm 1981.

ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm , thôn , xã Phượng C, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Chị Th có mặt; anh Đ được triệu tập lần 2 nhưng vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 31/8/2019, lời khai tại phiên tòa, chị Thái trình bày:

-Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh Th và anh Nguyễn Phạm Đ tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 18/12/2009. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình

thường đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ chơi bời, chị Th nhờ mọi người khuyên bảo anh Đ thay đổi được thời giađ, đến năm 2017 anh Đềm chơi bời cờ, bạc, bỏ bê theo bạn bè đi làm ăn khắp nơi, chị Th nhiều lần khuyên bảo nhưng không được từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó đề nghị tòa cho chị Th được ly hôn anh Đ.

-Về con chung: Chị Th và anh Đ có 2 con chung là cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 01/5/2011 và cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 30/7/2014. Hiện nay 2 cháu đang ở với chị Th. Khi ly hôn chị Th xin được nuôi 2 con đến khi trưởng thành.

-Về cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có yêu cầu giải quyết.

-Về án phí: Chị Thái tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định

Bị đơn anh Đềm trình bày tại bản tự khai ngày 09/4/021:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Phạm Đ và chị Bùi Thị Thanh Th tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 18/12/2009. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường nhưng trong quá trình sống vợ chồng bộc lộ những mặt không tốt, thường xuyên cãi, chửi nhau, xúc phạm đến 2 gia đình. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh Đ đồng ý Ly hôn.

-Về con chung: Anh Đ và chị Th có 2 con chung là cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 01/5/2011 và cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 30/7/2014. Hiện nay 2 cháu đang ở với chị Th. Khi ly hôn chị Th xin được nuôi 2 con đến khi trưởng thành anh Đ đồng ý.

Về tài sản chung: Anh Đ trình bày có một ngôi nhà xây dựng khoảng 100m^2 ở xóm Vạn Trường, Phượng C, Q, Hà Nội vào 01 mảnh đất 200m^2 ở khu Hai Vân, phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh. Vợ chồng không thỏa thuận được nên yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy ra sau khi thụ lý hồ sơ vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cố tình không hợp tác làm việc với Tòa án gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án; Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình

vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho nguyên đơn được ly hôn và nuôi 2 con sau ly hôn vì theo nguyên đơn; Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Toà án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết nơi bị đơn cư trú ở xã Phượng C, huyện Q, thành phố hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Toà đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; thông báo mở phiên họp, công khai chứng cứ và hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt những người trên là có căn cứ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn, bị đơn có đủ căn cứ xác định:

+*Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị Thanh Th và anh Nguyễn Phạm Đ tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 18/12/2009. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp, thường xuyên vợ chồng cãi cọ, xô xát nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình thu thập chúng cứ anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý theo đơn xin ly hôn của chị Th. Do đó chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Th với anh Đ.

+*Về con chung*: Chị Th và anh Đ có 2 con chung là cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 01/5/2011 và cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 30/7/2014. Hiện nay 2 cháu đang ở với chị Th. Khi ly hôn chị Th xin được nuôi 2 con đến khi trưởng thành anh Đ đồng ý. Xét yêu cầu của chị Th và anh Đ là phù hợp với nguyện vọng

của 2 con. Do đó giao cho chị Th tiếp tục được nuôi dưỡng 2 con đến khi trưởng thành.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom, con chung không ai được cản trở.

+*Về cấp dưỡng nuôi con*. Chị Th không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đ cho đến khi có Quyết định khác.

[3] -*Về tài sản chung, công sức, công nợ:* Chị Th trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ anh Đ trình bày tài sản chung của vợ chồng có một ngôi nhà xây dựng khoảng 100m^2 ở xóm Vạn Trường, Phượng C, Q, Hà Nội vào 01 mảnh đất 200m^2 ở khu Hai Vân, phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng không thỏa thuận được nên yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Xét yêu cầu phản tố của anh Đ thì thấy: Sau khi xem xét yêu cầu phản tố của anh Đ Tòa án đã yêu cầu anh bổ sung đơn yêu cầu phản tố, bổ sung tài liệu, chứng cứ và Tòa án đã ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu của chia tài sản và đã báo anh Đ đến thực hiện theo yêu cầu của Tòa án và cũng không nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải giải quyết yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự chia tài sản chung sau ly hôn khi anh Đ có yêu cầu.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc chị Th phải nộp án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng;

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; 58, 69, 81 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Bùi Thị Thanh Th. Chị Bùi Thị Thanh Th được ly hôn anh Nguyễn Phạm Đ.

1.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Th tiếp tục được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 01/5/2011 và cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 30/7/2014 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Quyết định khác.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.2.Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh Đềm cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đ cho đến khi có Quyết định khác.

2- Về tài sản chung: Không giải quyết trong vụ án này. Danh quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn khi anh Đ có yêu cầu bằng vụ án khác.

3-Về án phí: Chị Bùi Thanh Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000018 ngày 09/ 4 /2021 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

4- Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKS huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Kiều Văn Thành